

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ
môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2030

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Thời gian qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền đã lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 08/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ môi trường được nâng lên. Hạ tầng thu gom xử lý nước thải khu công nghiệp, khu đô thị loại IV trở lên và các cơ sở y tế được quan tâm đầu tư xây dựng; giảm dần số cơ sở ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; gia tăng số cơ sở hoàn thiện hệ thống quan trắc chất thải tự động; các khu vực đất ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật được điều tra, khoanh vùng, lập dự án xử lý; việc quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đã được chú trọng.

Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU chưa đạt mục tiêu đề ra, trong đó một số chỉ tiêu đạt kết quả thấp. Môi trường và công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, nhiều vấn đề về môi trường chưa được giải quyết triệt để. Tình trạng xả chất thải từ sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa triệt để vẫn còn xảy ra. Nhiều cụm công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Công tác thu gom, xử lý rác thải, khắc phục ô nhiễm từ bãi rác, xử lý tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật còn chậm và bất cập. Việc phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản có nơi chưa nghiêm túc, kịp thời. Ô nhiễm nước mặt, nước dưới đất, đất, không khí tại một số khu vực gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và đời sống nhân dân.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm nêu trên chủ yếu do: Nhận thức, tầm nhìn về bảo vệ môi trường của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền vẫn còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý môi trường nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu; thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm còn bị động, thiếu cương quyết, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác bảo vệ môi trường chưa chặt chẽ, đồng bộ. Nguồn lực đầu tư của nhà nước còn hạn hẹp, việc huy động xã hội hóa về bảo vệ môi trường hiệu quả chưa cao.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nhiệm vụ cơ bản của phát triển bền vững; phải được thể hiện trong các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng địa phương.

- Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường; đóng góp tài chính khi được hưởng lợi ích từ môi trường; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả khi gây ô nhiễm và suy thoái môi trường.

- Bảo vệ môi trường lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính, kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, ứng phó hiệu quả khi sự cố môi trường xảy ra; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bảo vệ môi trường, kết hợp giữa đầu tư có trọng tâm của Nhà nước với huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân về bảo vệ môi trường. Từng bước ngăn chặn, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết tốt các vấn đề cấp bách, cải thiện chất lượng môi trường, đa dạng sinh học; nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 97% và tại khu vực nông thôn đạt 70%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90%.

- Tỷ lệ người dân đô thị loại IV trở lên được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 93 - 95%.

- Tỷ lệ người dân đô thị loại V được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 90%.

- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 93%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58%.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 70%.
- Tỷ lệ cơ sở y tế khám chữa bệnh tuyến tỉnh, tuyến huyện có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 98%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định đạt 97%.
- Tỷ lệ khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật được xử lý, cải tạo đạt 55%.
- Tỷ lệ các khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 98%.
- Tỷ lệ dự án đầu tư mới đảm bảo hồ sơ môi trường trước khi vận hành chính thức đạt 100%.
- Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn đạt 20%.

2.3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 99% và tại khu vực nông thôn đạt 80%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 95%.
- Tỷ lệ người dân đô thị loại IV trở lên được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân đô thị loại V được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 95%.
- Tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định 58%.
- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ cơ sở y tế khám chữa bệnh tuyến tỉnh, tuyến huyện có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.
- Tỷ lệ khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định đạt 100%.
- Tỷ lệ khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật được xử lý, cải tạo đạt 75%.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 99%.
- Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn đạt 55%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đổi mới nội dung, hình thức bồi dưỡng kiến thức cho các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, người làm công tác kỹ thuật về bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng dạy và học về bảo vệ môi trường trong các cấp học.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng các điển hình tiên tiến, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng kiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; lên án các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Hoàn thiện, thể chế hóa các quy định về bảo vệ môi trường

- Xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có tính khả thi cao, bảo đảm mục tiêu bảo vệ môi trường của tỉnh.

- Tập trung rà soát sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước và điều kiện, yêu cầu thực tiễn của địa phương.

3. Chú trọng công tác phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu; khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

- Tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt. Nghiên cứu, xây dựng quy hoạch tổng thể các khu xử lý rác thải tập trung trên địa bàn tỉnh. Thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường; hoàn thiện mạng lưới, trang thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, từng bước bảo đảm việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và xử lý đúng quy định; hạn chế sử dụng bao bì nhựa khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần, khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường, tái chế chất thải nhựa.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nước mặt, nước biển và nước dưới đất. Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với sông, hồ nội tỉnh; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước; công khai thông tin nguồn thải vào môi trường nước mặt. Giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ

các nguồn thải vào môi trường biển từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hoạt động nhận chìm ở biển; ứng phó có hiệu quả sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển và sự cố môi trường biển. Quản lý chặt chẽ các hoạt động nhằm ngăn ngừa ô nhiễm nước dưới đất.

- Chú trọng khâu đánh giá sơ bộ tác động môi trường những dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư; nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép môi trường, kiên quyết không để dự án đầu tư mới vận hành chính thức khi chưa bảo đảm hồ sơ môi trường.

- Tăng cường bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Quản lý chặt chẽ việc phát sinh, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại); tái chế sản phẩm, bao bì của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu theo quy định pháp luật. Hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động và truyền dẫn dữ liệu tại các cơ sở và khu công nghiệp. Đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình có phát sinh nước thải, khí thải.

- Đẩy mạnh bảo vệ môi trường đô thị và nông thôn. Xử lý dứt điểm các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; chú trọng xử lý ô nhiễm tại các cơ sở ô nhiễm môi trường; tăng cường phục hồi môi trường; hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải phát sinh từ cơ sở y tế tuyến tỉnh và huyện; tập trung đầu tư hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tại các đô thị loại IV trở lên; hoàn thiện hạ tầng cấp nước sạch ở các đô thị và từng bước hoàn thiện hạ tầng cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh ở nông thôn; thẩm định chặt chẽ tiêu chí môi trường trong xét công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; bảo đảm diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí; thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong các hoạt động mai táng, hỏa táng, sản xuất nông nghiệp, xây dựng, nhập khẩu phế liệu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; giải quyết kịp thời, dứt điểm các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về vấn đề môi trường; thực thi nghiêm chế tài xử phạt vi phạm về môi trường. Thực hiện tốt nguyên tắc đối tượng gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí xử lý, khắc phục hậu quả và cải tạo phục hồi môi trường; đối tượng hưởng lợi từ tài nguyên và môi trường phải có nghĩa vụ đầu tư trở lại cho môi trường.

- Tập trung hoàn thiện hạ tầng và thực hiện quan trắc môi trường, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh; công khai thông tin môi trường kịp thời, đầy đủ. Thực hiện điều tra nguy cơ sự cố môi trường và ban hành kế hoạch ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại nếu sự cố xảy ra.

- Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên. Bảo vệ nghiêm ngặt các khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển; quản lý, bảo vệ rừng sản xuất theo hướng xanh và bảo tồn đa dạng sinh học.

4. Chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

Thực hiện tốt việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai như lũ ống, lũ quét, sạt lở núi, ngập lụt đô thị thông qua nâng cao tính chống chịu và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng, thực hiện giải pháp thông minh để thích ứng trong nông nghiệp, thủy sản và phát triển rừng; thực hiện giải pháp quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

5. Tăng cường nguồn lực về bảo vệ môi trường

Tăng cường chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn, phù hợp với khả năng và yêu cầu của nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường, trong đó tập trung đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường, xử lý cải tạo phục hồi môi trường các khu vực ô nhiễm do bãi rác, tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. Tập trung tăng cường thu hút các nguồn vốn xã hội hóa cho bảo vệ môi trường. Yêu cầu các chủ dự án, cơ sở bảo đảm kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở.

6. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao hiệu quả hợp tác và phối hợp về bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh để thực hiện nhiệm vụ về bảo vệ môi trường kịp thời, đồng bộ, hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương khác trong giải quyết các vấn đề môi trường.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết cụ thể, thực chất; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm để tập trung chỉ đạo thực hiện, ưu tiên bố trí ngân sách kết hợp huy động nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết tại cơ quan, địa phương, lĩnh vực phụ trách. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh đạo, quản lý.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo việc rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế, chính sách liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trong đó cụ thể hóa nội dung nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện gắn với bố trí nguồn lực thực hiện hàng năm và theo giai đoạn; định kỳ hàng năm đánh giá việc triển khai thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên, nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; phát động các phong trào, nâng cao hiệu quả các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường; phát huy vai trò phản biện, giám sát về bảo vệ môi trường.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân; phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ đảng và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các ban xây dựng Đảng, UBKT Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Huyện, thành, thị ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Thái Thanh Quý